BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 012384 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 10787.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - DIELAC GROW**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-40

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 03 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 15/06/2022

Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (b)	< 1 CFU/ml	16/06/2022

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu dạng lỏng, còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU /mL: được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 -06- 2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 26888/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - DIELAC GROW (M-SUDD-3)
2. Mã số mẫu: 09217488/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong bao bì kín - Số lượng: 15
   Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 06/09/2021
7. Thời gian thử nghiệm: 06/09/2021 - 17/09/2021
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
   Địa chỉ: Số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Vi sinh vật

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1*	*L. monocytogenes*	CFU/mL	ISO 11290-2:2017	KPH (LOD: 1 CFU/mL)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2021

KT.VIỆN TRƯỞNG

VIEN KIEM NGHIEM AN TOAN VE SINH THUC PHAM QUOC GIA

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Trần Cao Sơn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 26891/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - DIELAC GROW (M-SUDD-3)
2. Mã số mẫu: 09217488/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong bao bì kín - Số lượng: 15
   Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 06/09/2021
7. Thời gian thử nghiệm: 06/09/2021 - 17/09/2021
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
   Địa chỉ: Số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Kim loại nặng

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007 mg/kg)
9.2*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.3*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
9.4*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2021

KT.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Trần Cao Sơn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: ktnn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 26892/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - DIELAC GROW (M-SUDD-3)
2. Mã số mẫu: 09217488/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng trong bao bì kín - Số lượng: 15
   Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày nhận mẫu: 06/09/2021
7. Thời gian thử nghiệm: 06/09/2021 - 17/09/2021
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
   Địa chỉ: Số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Melamin và độc tố vi nấm

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
9.1*	Hàm lượng Melamine	mg/kg	NIFC.04.M.058 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,05 mg/kg)
9.2*	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	NIFC.04.M.031 (LC- MS/MS)	KPH (LOD: 0,01 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2021

KT.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

PHÓ VIỆN TRƯỞNG
TS. Trần Cao Sơn

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 012386 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 10789.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - DIELAC GROW**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-40

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 03 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 15/06/2022

Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022
2	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	21/06/2022
3	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/06/2022
4	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022
5	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/06/2022
6	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	21/06/2022
7	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	21/06/2022
8	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	20/06/2022
9	Chlormequat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	17/06/2022
10	Ethephon	HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	19/06/2022
11	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022

Mã số mẫu: 10789.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022
13	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022
14	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	20/06/2022
15	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	20/06/2022
16	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	20/06/2022
17	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	21/06/2022
18	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	21/06/2022
19	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	21/06/2022
20	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	21/06/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu dạng lỏng, còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24-06-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 012385 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 10788.22

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Tên mẫu : **SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - DIELAC GROW**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-40

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 03 hộp x 110 ml

Ngày nhận mẫu : 15/06/2022

Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
2	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	16/06/2022
3	Clenbuterol	HD.PP.68-1/TT.SK:2020 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	18/06/2022
4	Colistin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	16/06/2022
5	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	21/06/2022
6	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	20/06/2022
7	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	16/06/2022
8	Diminazen	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 25 µg/kg	16/06/2022
9	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
10	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
11	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
13	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
14	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	20/06/2022
15	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	16/06/2022
16	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (b)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	22/06/2022
17	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (b)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	22/06/2022
18	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (b)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	22/06/2022
19	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	21/06/2022
20	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	21/06/2022
21	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
22	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
23	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
24	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	21/06/2022
25	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	16/06/2022
26	Procaine benzylpenicilin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	16/06/2022
27	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	21/06/2022
28	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	16/06/2022
29	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	21/06/2022

Mã số mẫu: 10788.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
30	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	16/06/2022
31	Sulfadimidine	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	16/06/2022
32	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	16/06/2022
33	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	20/06/2022
34	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	16/06/2022
35	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	21/06/2022
36	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	21/06/2022
37	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	21/06/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu dạng lỏng, còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 -06- 2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh